

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Được lưu giữ cùng với Hồ sơ vệ sinh lao động)

**Tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BÌNH**

Địa điểm trụ sở: Số 333, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH & HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG TP. HCM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(HOSITCO) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Trụ sở chính: 733 XVNT, P. Bình Thạnh, TP.HCM
VP: Số 1, Đường số 14, KP40, P. Hiệp Bình, TP.HCM

ĐT: (028) 3511 9756; Fax: (028) 3511.9757

Số: 45...../BC/MTLĐ.HCM *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2026*

Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VSLĐ TP.HCM

Địa chỉ: 733 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

VP: Số 1, Đường số 14, KP40, P. Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3.511.9757-3.511.6678

Do ông: **ĐẶNG XUÂN THỂ** Chức vụ: **Giám đốc làm đại diện.**

Số công bố 5333/SYT-NVY ngày 07/10/2020 của Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh cấp

Số công bố 447/MT-LĐ ngày 11/5/2016 của cục QLMT Y Tế - Bộ Y Tế cấp

Đã tiến hành đo kiểm môi trường lao động tại:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM BÌNH

Địa điểm thực hiện: Số 333, đường Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau

Thời gian thực hiện: **ngày 07 tháng 9 năm 2026**

Phương pháp:

- Đo nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió theo quy định tại QCVN 26:2016/BYT;
- Đo Chiếu sáng theo quy định tại QCVN 22:2016/BYT;
- Đo Tiếng ồn theo quy định tại QCVN 24:2016/BYT;
- Đo nồng độ bụi theo quy định tại QCVN 02:2019/BYT của Bộ Y tế;
- Lấy mẫu phân tích hơi khí độc theo quy định tại 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 01:2025/BYT của Bộ Y tế.

Thiết bị đo, lấy mẫu, phân tích:

- Đo các yếu tố vi khí hậu
 - Máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí WELLINK HL-101
 - Máy đo tốc độ gió và nhiệt độ môi trường HOLDPEAK HP-816A
- Đo các yếu tố vật lý
 - Máy đo ánh sáng HOLDPEAK HP-881B
 - Máy đo ồn chung HOLDPEAK HP-882A
- Yếu tố bụi:
 - Xác định bụi (phương pháp tán xạ) bằng máy đo dựa trên sự tán xạ của chùm tia Laser khi tương tác với các hạt bụi trong không khí. Sử dụng máy đo nồng độ bụi KANOMAX 3443 với dải nồng độ đo được từ 0.001 – 10.0 mg/m³ ($d_{bụi} < 10\mu m$, sai số 10% giá trị hiển thị). Kết quả hiển thị bằng nồng độ bụi toàn phần mg/m³.
- Hơi khí độc:
 - Xác định hơi khí độc trong không khí bằng phương pháp trắc quang, hút không khí qua dung dịch hấp thụ. Sử dụng máy lấy mẫu Buck - Mỹ, phân tích trên máy quang phổ Jenway 6300.
 - Đồng thời sử dụng một số máy đo nhanh:
 - Máy đo SO₂ SGT-SO₂-KOREA
 - Máy đo CO₂ SGT-CO₂-KOREA
 - Máy đo CO SGT-CO-KOREA

Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 22:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn quốc gia Bụi – Giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 01:2025/BYT Quy chuẩn quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Tiêu chuẩn về Hơi khí độc, Bụi: Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.

Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm:

- Yếu tố vi khí hậu: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió
- Yếu tố vật lý: Ánh sáng, tiếng ồn
- Yếu tố bụi: Bụi toàn phần
- Hơi khí độc: SO_2 , CO_2 , CO

Qua rà soát quy trình công nghệ, nguyên vật liệu và các chất được sử dụng trong quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, đề nghị bổ sung việc quan trắc các yếu tố có hại sau (các yếu tố có hại này đề nghị bổ sung vào Hồ sơ vệ sinh lao động): Không

Lý do đề xuất: Không

Lĩnh vực hoạt động: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Tiêu chuẩn tham chiếu theo các quy định hiện hành và kết quả đó như sau:

I/ CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU:

Mùa tại thời điểm quan trắc: Mùa mưa

QCVN 26:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc</i>		Độ ẩm (%) 40 – 80		Nhiệt độ (°C) 18 – 32		Tốc độ gió (m/s) 0,2 – 1,5	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	Văn phòng Dịch vụ						
01	- Vị trí đầu	66,2		27,5		0,4	
02	- Vị trí giữa	66,2		27,2		0,4	
03	- Vị trí cuối	65,5		27,2		0,4	
	Khu vực sửa chữa chung						
04	- Vị trí đầu	58,5		31,0		1,2	
05	- Vị trí cuối	59,5		31,2		1,1	
06	Khu vực bảo dưỡng nhanh	58,5		31,6		1,3	
07	Khu vực sửa chữa thân vỏ	57,5		31,2		1,0	
08	Khu vực đánh bóng	58,2		31,5		0,8	
	Phòng sơn, sấy						
09	- Vị trí đầu	66,0		31,8		0,2	
10	- Vị trí giữa	66,5		31,5		0,3	
11	- Vị trí cuối	66,5		31,4		0,3	
	Phòng pha sơn						
12	- Vị trí đầu	60,0		29,0		0,3	
13	- Vị trí giữa	61,2		29,2		0,4	
14	- Vị trí cuối	61,0		29,4		0,3	
15	Khu vực kéo nắn khung	58,2		31,2		1,2	
16	Khu vực kiểm tra cuối	57,0		31,5		1,0	
	Văn phòng Kế toán						
17	- Vị trí đầu	65,0		27,3		0,5	
18	- Vị trí giữa	65,2		27,0		0,5	
19	- Vị trí cuối	65,2		27,3		0,4	
	Văn phòng Kinh doanh						
20	- Vị trí đầu	62,0		28,1		0,4	

QCVN 26:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc</i>		Độ ẩm (%)		Nhiệt độ (°C)		Tốc độ gió (m/s)	
		40 – 80		18 – 32		0,2 – 1,5	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
21	- Vị trí giữa	62,5		28,3		0,4	
22	- Vị trí cuối	63,2		28,2		0,4	
	Khu vực Showroom						
23	- Vị trí đầu	63,5		28,1		0,4	
24	- Vị trí giữa	64,2		28,4		0,5	
25	- Vị trí cuối	63,2		28,5		0,5	
Tổng số chỉ tiêu		25		25		25	

Tổng số kết quả quan trắc: Tổng số mẫu yếu tố vi khí hậu (độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió): **75**

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: **00**

II/ CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ:

1. Ánh sáng (Lux)

STT	Vị trí quan trắc	Ánh sáng (Lux)		QCVN 22:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc</i>
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	
	Văn phòng Dịch vụ			
01	- Vị trí đầu	440		≥ 300
02	- Vị trí giữa	450		≥ 300
03	- Vị trí cuối	440		≥ 300
	Khu vực sửa chữa chung			
04	- Vị trí đầu	450		≥ 300
05	- Vị trí cuối	480		≥ 300
06	Khu vực bảo dưỡng nhanh	460		≥ 300
07	Khu vực sửa chữa thân vỏ	550		≥ 500
08	Khu vực đánh bóng	500		≥ 300
	Phòng sơn, sấy			
09	- Vị trí đầu	820		≥ 750
10	- Vị trí giữa	810		≥ 750
11	- Vị trí cuối	820		≥ 750
	Phòng pha sơn			
12	- Vị trí đầu	1120		≥ 1000
13	- Vị trí giữa	1150		≥ 1000
14	- Vị trí cuối	1120		≥ 1000
15	Khu vực kéo nắn khung	640		≥ 500
16	Khu vực kiểm tra cuối	1100		≥ 1000
	Văn phòng Kế toán			
17	- Vị trí đầu	420		≥ 300
18	- Vị trí giữa	460		≥ 300
19	- Vị trí cuối	450		≥ 300
	Văn phòng Kinh doanh			
20	- Vị trí đầu	470		≥ 300

STT	Vị trí quan trắc	Ánh sáng (Lux)		QCVN 22:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc</i>
		Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	
21	- Vị trí giữa	480		≥ 300
22	- Vị trí cuối	470		≥ 300
	Khu vực Showroom			
23	- Vị trí đầu	460		≥ 300
24	- Vị trí giữa	450		≥ 300
25	- Vị trí cuối	460		≥ 300
Tổng số chỉ tiêu		25		

Tổng số kết quả quan trắc: Tổng số mẫu: **25**

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: **00**

2. Tiếng ồn (dBA)

QCVN 24:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc</i>		Mức âm tương đương KV văn phòng $L_{Aeq} \leq 65$ (dBA) KV lao động $L_{Aeq} \leq 85$ (dBA)	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	Văn phòng Dịch vụ		
01	- Vị trí đầu	63,4	
02	- Vị trí giữa	62,0	
03	- Vị trí cuối	62,5	
	Khu vực sửa chữa chung		
04	- Vị trí đầu	75,0	
05	- Vị trí cuối	75,8	
06	Khu vực bảo dưỡng nhanh	74,6	
07	Khu vực sửa chữa thân vỏ	78,7	
08	Khu vực đánh bóng	74,7	
	Phòng sơn, sấy		
09	- Vị trí đầu	75,8	
10	- Vị trí giữa	75,8	
11	- Vị trí cuối	75,9	
	Phòng pha sơn		
12	- Vị trí đầu	58,2	
13	- Vị trí giữa	57,0	
14	- Vị trí cuối	57,5	
15	Khu vực kéo nắn khung	75,5	
16	Khu vực kiểm tra cuối	74,9	
	Văn phòng Kế toán		
17	- Vị trí đầu	62,3	

QCVN 24:2016/BYT <i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc</i>		Mức âm tương đương KV văn phòng $L_{Aeq} \leq 65$ (dBA) KV lao động $L_{Aeq} \leq 85$ (dBA)	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
18	- Vị trí giữa	61,2	
19	- Vị trí cuối	60,2	
	Văn phòng Kinh doanh		
20	- Vị trí đầu	63,0	
21	- Vị trí giữa	63,5	
22	- Vị trí cuối	63,4	
	Khu vực Showroom		
23	- Vị trí đầu	63,3	
24	- Vị trí giữa	63,0	
25	- Vị trí cuối	64,5	
Tổng số chỉ tiêu		25	

Tổng số kết quả quan trắc: Tổng số mẫu: **25**

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: **00**

III/ BỤI

Tiêu chuẩn vệ sinh lao động <i>QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn quốc gia Bụi – Giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc</i>		Nồng độ bụi toàn phần Bụi nhóm 4 TWA $\leq 8,0$ (mg/m³)	
		Lấy theo thời điểm	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
01	Văn phòng Dịch vụ	0,242	
	Khu vực sửa chữa chung		
02	- Vị trí đầu	1,121	
03	- Vị trí giữa	1,142	
04	- Vị trí cuối	1,163	
05	Khu vực bảo dưỡng nhanh	1,412	
	Khu vực sửa chữa thân vỏ		
06	- Vị trí đầu	1,431	
07	- Vị trí giữa	1,342	
08	- Vị trí cuối	1,641	
09	Khu vực đánh bóng	1,952	
	Phòng sơn, sấy		
10	- Vị trí đầu	2,536	
11	- Vị trí giữa	2,732	
12	- Vị trí cuối	2,532	
	Phòng pha sơn		
13	- Vị trí đầu	0,532	
14	- Vị trí giữa	0,642	
15	- Vị trí cuối	0,641	
16	Khu vực kéo nắn khung	1,325	
17	Khu vực kiểm tra cuối	1,021	
18	Văn phòng Kế toán	0,321	
19	Văn phòng Kinh doanh	0,274	
20	Khu vực Showroom	0,421	
Tổng số chỉ tiêu		20	

Tổng số kết quả quan trắc: Tổng số mẫu: **20**

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: **00**

IV/ HƠI KHÍ ĐỘC

Tên hóa chất		CO		CO ₂		SO ₂	
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động <i>QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc</i>		Từng lần tối đa $TWA \leq 20$ mg/m^3		Từng lần tối đa $TWA \leq 9000$ mg/m^3		Từng lần tối đa $TWA \leq 5 mg/m^3$	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
01	Văn phòng Dịch vụ	KPH		680		KPH	
02	Khu vực sửa chữa chung	0,12		420		0,10	
03	Khu vực bảo dưỡng nhanh	0,18		450		0,10	
04	Khu vực sửa chữa thân vỏ	KPH		460		KPH	
05	Khu vực đánh bóng	KPH		475		KPH	
06	Phòng sơn, sấy	KPH		460		1,30	
07	Phòng pha sơn	KPH		440		0,22	
08	Khu vực kéo nắn khung	KPH		470		KPH	
09	Khu vực kiểm tra cuối	KPH		480		KPH	
10	Văn phòng Kinh doanh	KPH		720		KPH	
Tổng số chỉ tiêu		10		10		10	

Ghi chú: KPH – Không phát hiện

Tổng số kết quả quan trắc: Tổng số mẫu: 30

Tổng số mẫu vượt giới hạn cho phép: 00

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

STT	Các yếu tố đã kiểm tra	Tổng số mẫu		Số mẫu đạt		Số mẫu không đạt	
01	Nhiệt độ	25		25		00	
02	Độ ẩm	25		25		00	
03	Tốc độ gió	25		25		00	
04	Ánh sáng	25		25		00	
05	Ồn	25		25		00	
06	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác	Silic	Khác
	+ Bụi toàn phần		20		20		00
07	Hơi khí độc						
	CO	10		10		00	
	CO ₂	10		10		00	
	SO ₂	10		10		00	
Tổng số		175		175		00	

Nhận xét:

- Ánh sáng:** Tại cùng 25 điểm đo chiếu sáng đều đạt QCVN 22: 2016/BYT ngày 30/6/2016;
- Tiếng ồn:** Tại cùng 25 điểm đo tiếng ồn đều đạt QCVN 24: 2016/BYT ngày 30/6/2016;
- Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió):** tại cùng 25 điểm đo đều đạt QCVN 26:2016/BYT ngày 30/6/2016;
- Bụi toàn phần:** Nồng độ bụi được thu mẫu tại 20 điểm đo đều đạt QCVN 02:2019/BYT ngày 21/3/2019;
- Hơi khí độc (CO, CO₂, SO₂):** Nồng độ hơi khí độc được thu mẫu tại 10 điểm đo đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp (QCVN 03:2019/BYT ngày 10/6/2019 và theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002).

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- Duy trì trang bị hệ thống thông gió trong khu vực sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng xe nhất là vào những mùa nhiệt độ, độ ẩm lên cao.
- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra máy móc, thiết bị tại các khu vực sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng xe.
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh lau chùi bóng đèn, thông thoáng không gian chiếu sáng: không để vật cản khuất bóng.

2. Giải pháp về biện pháp tổ chức

- Giữ vững và cải thiện điều kiện nơi làm việc thông thoáng, sạch sẽ, hợp vệ sinh.
- Người sử dụng lao động duy trì công tác tổ chức huấn luyện an toàn – vệ sinh lao động cho người lao động.
- Thực hiện tốt và có chất lượng công tác tự kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động.

3. Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe

- Duy trì thực hiện việc đo kiểm môi trường lao động và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động hằng năm theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Giải pháp về phương tiện bảo hộ lao động cá nhân

- Duy trì, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo việc trang cấp đầy đủ các thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Đôn đốc, nhắc nhở việc người lao động sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.

5. Các giải pháp khác

- Thường xuyên tuyên truyền, cung cấp kiến thức về ảnh hưởng của những yếu tố có hại mà người lao động có thể gặp phải tại nơi làm việc, nâng cao nhận thức về bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- Triển khai các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu yếu tố có hại và phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- Duy trì công tác quan trắc môi trường lao động với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

Quan trắc viên
(ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN QUANG THẮNG

Số: 456-40/QĐ-YHDP

Người chịu trách nhiệm
chuyên môn
(ký và ghi rõ họ tên)

Th.S ĐẶNG XUÂN THỂ

Lãnh đạo tổ chức quan trắc MTLĐ
GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Th.S ĐẶNG XUÂN THỂ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5333 /SYT-NVY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 10 năm 2020

V/v đồng ý với nội dung công bố
đủ điều kiện thực hiện hoạt động
quan trắc môi trường lao động

Kính gửi: Công ty Cổ phần Kiểm định và Huấn luyện An toàn vệ sinh
lao động Thành phố Hồ Chí Minh
(địa chỉ: 733, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh)

Sở Y tế nhận được Đơn đề nghị số 23/ATVSLD.HCM ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Công ty Cổ phần Kiểm định và Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động (phiếu tiếp nhận số 1372000011/TNHS ngày 17 tháng 9 năm 2020).

Căn cứ quy định tại Chương IV, điều 33-34 tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, Sở Y tế có ý kiến như sau:

- Công ty Cổ phần Kiểm định và Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động theo đúng quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

- Công ty Cổ phần Kiểm định và Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã công bố (đính kèm nội dung công bố).

- Sở Y tế sẽ báo cáo Bộ Y tế, tiến hành hậu kiểm định kỳ và đột xuất theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Y tế./. *l*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QL MTYT - BYT (để b/c);
- Lưu: VP, NVY
VHN, NTMN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Hữu Hưng



С.Р. ★ Hm.